
**XIN LƯU Ý:
ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHÁP
CHƯA ĐƯỢC SỬ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐỈNH.
QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.
XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN.**

Tâm đạo đại

<blockquote>Kalama tri ân bạn trangpham050394 phmkhoi2002 77july2015 - buithibuukim ghi chép.</blockquote>

[10/07/2021 - 10:40 - trangpham050394]

Trên thế gian này có 3 cõi dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Thì chúng ta quan niệm rằng đó là 3 cái à...cảnh giới và có 3 giới sống sinh hoạt khác nhau, nhưng mà thật sự khi mà gọi là dục giới sắc giới và vô sắc giới chúng ta nói đến trạng thái tâm, 3 khuynh hướng, 3 cái sinh thái của tâm trong hình thức cái nghĩa của nó. Chúng ta có nhắc rằng ở trong cõi dục giới mà để hiểu nhất tức là thế giới chúng ta đang sống tại đây là chúng ta sống với nhiều cảnh khác biệt tức là: mắt thì thấy sắc, tai thì nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc ý suy nghĩ, v.v... 6 giác quan làm việc như vậy đó, nó sẽ đưa chúng ta từ đối tượng này sang đối tượng khác, từ tâm điểm này sang tâm điểm khác và những đối tượng thân thức như vậy, bởi vốn dĩ là nó có nhiều thứ. Do vậy, trạng/cảm thái nội tâm của chúng ta là một trạng thái tâm có nhiều đặc tính được đề chọn và về phương diện tốt thì chúng ta có khả năng có vị quan bén nhạy. Bởi vì, chúng ta tiếp xúc với nhiều trần cảnh khác nhau. Chúng ta là người có khả năng để tránh né những gì mà chúng ta không thích, chúng ta cũng có khả năng để nghỉ ngơi, khi mà chúng ta cần nghỉ ngơi giống như cái máy chạy quá nóng tự nó sẽ nổ và chúng ta cũng có khả năng để sáng tạo và chúng ta cũng có khả năng để hoài nghi trong trường hợp cần để hoài nghi. Nhưng mà ngược lại thì chúng ta cũng phải trả giá cho những khả năng này, thế có người chúng ta mẫn cảm chúng ta có cảm quan nhận được cái đẹp thì chúng ta có sự vương mắc gọi là tham ái. Chúng ta có khả năng tránh né điểm xấu thì chúng ta dễ sinh ra sân hận. Tham, ái, sân, hận, hôn trầm, thụy miên, phóng dật, hoài nghi đó là những cái giá chúng ta trả trong cõi dục giới. Lấy ví dụ: là một người ở trong cõi dục giới rất sáng tạo bởi vì tâm của chúng ta vốn dĩ là đi từ nơi này sang nơi khác, nó có nhiều cái đổi mới do vậy chúng ta có rất nhiều sáng tạo. Nhưng mà ngược lại, chúng ta có khuynh hướng rằng, rất là nhàm chán để ở yên một chỗ, trụ vào một điểm. Chính vì vậy, cái giá của sự sáng tạo đó là chúng ta rất là phóng tâm, từ dục giới mà sang sắc giới nó là một sự (...) chúng ta nói đến sự tập trung tinh thần dựa vào một ... đối tượng để chuyên trú và tất cả những đối tượng này đều là những đối tượng tương đối dùng sắc, đó là chúng ta gọi là...là... sắc giới. Lấy ví dụ: người dùng đề mục như: Đất, nước, lửa, gió, hư không, v.v để phát triển 5 trạng thái: tâm, tứ, hỷ, lạc, định mà lúc trước chương 10 mà chúng ta đã đề cập đến. Thì 5 chi thiên: tâm, tứ, hỷ, lạc, định cho phép hành giả sống thoải mái hơn trong điều kiện không có: sắc, thanh, vị, xúc (2:39)

[31/08/2021 - 02:38 - phmkhoi2002]

Thì 5 chi thiên: tâm, tứ, hỷ, lạc, định cho phép hành giả sống thoải mái hơn trong điều kiện không có: sắc, thanh, khí, vị, xúc

(3:16)

Tuy nhiên, những điều này vẫn bị giới hạn của nó. Lấy ví dụ, một con người hồi nhỏ sống trong vòng tay thương yêu của cha mẹ. Ở trong vòng tay thương yêu đó cũng có sự trưởng thành, người này cũng được học hỏi rất nhiều kể cả những sức mạnh trong vòng tay bảo bọc của cha mẹ. Nếu người này suốt cuộc đời cứ sống trong vòng tay của cha mẹ thì điều này sẽ khiến cho người này trì trệ không phát triển được. Nếu người này muốn rời khỏi vòng tay của cha mẹ để sống sót trong cuộc đời này thì người đó phải rời cha mẹ để thích hợp với cuộc sống bên ngoài, sống với người dung kẻ lạ, chịu đựng những cay đắng của cuộc đời thì người này mới trưởng thành được. Một người muốn rời cảnh dục để đi vào cảnh sắc giới thì người này phải có sự tôi luyện tâm hồn đủ mạnh để rời khỏi sắc, thanh, khí, vị, xúc đến với trạng thái nội tâm cao hơn có: tầm, tứ, hỷ, lạc, cực. (4:23)

[27/01/2022 - 08:14 - 77july2015]

04:24 Nhưng rời, nó chỉ là 1 sự nương gá, 1 người đi vào đời rời khỏi vòng tay cha mẹ mà ra ngoài sống vẫn tùy thuộc bạn bè, không có bạn bè thì không thể sống được thì có 1 lúc người này cần tự trang bị cho mình 1 tư lương, kiên thức để khả dĩ họ có thể sống 1 mình. Thành ra ra đi và sống 1 mình, đó là 1 kinh nghiệm dễ sợ đối với 1 người. Tương tự như vậy, thế giới mà chúng ta sống dù độc lập đến đâu, mặc dù chúng ta có giỏi đến đâu chẳng nữa thì trong cái nhìn của đạo Phật, thế giới đó là tùy thuộc thức. Ở cõi dục, chúng ta tùy thuộc vào dục, lên cõi sắc chúng ta tùy thuộc vào sắc. Qua cõi vô sắc, chúng ta phải tìm cái gì đủ mạnh để từ thế giới của sắc, đến với cảnh giới vô sắc.

Thế giới của sắc chúng ta dùng 1 đối tượng nào đó thuộc vật chất để khai triển đời sống nội tâm, khai triển các chi thiền tầm, tứ, hỷ, lạc, định. Nhưng khi nói đến vô sắc, chúng ta nói đến thế giới của ý niệm, chúng ta phải nuôi trong đầu ý niệm nào đó đủ mạnh để ý niệm đó giúp chúng ta khả dĩ không vướng mắc đề mục sắc giới. Ví dụ, một người trong đời sống hàng ngày, họ chỉ thích chuyện ăn mặc đi đứng mua sắm, nếu muốn cuộc sống thay đổi thì họ có 1 việc phải làm là tìm những giá trị cao đẹp, nhẹ nhàng hơn, như đầu tư thời giờ, tâm trí vô sách vở; nếu họ có thể tập trung sách vở được thì sức tùy thuộc vào những vật chất thô thiển khác có khi giảm thiểu và thậm chí sống bằng những giá trị tinh thần thuần túy mà họ không cần lệ thuộc vào thứ kia.

Nói tóm lại, trong cái nhìn của đức Phật, tâm tư của chúng ta lệ thuộc vào cảnh giới, hoặc dục hoặc sắc hoặc vô sắc, cảnh giới đó là môi trường làm tâm phát triển và chúng ta muốn đi từ cảnh giới này sang cảnh giới khác thì chúng ta sẽ phải làm 1 việc gọi là già từ - 06:42 Tuy nhiên, chúng ta vốn sống quen với sắc, thanh, khí, vị, xúc mà chúng ta trở nên 1 người sống độc lập và không cần những thứ đó nữa thì sẽ cảm thấy đó không phải là chuyện đi dễ dàng. Đồng thời vừa già từ cái cũ, vừa làm quen cái mới và những cái mới trở thành thứ gì đó gắn bó với đời sống của mình sẽ là 1 việc rất khó. Do đó giáo lý về tam giới, đặc biệt khi nói đến ở đây các cảnh giới của tâm, dục giới, sắc giới, vô sắc giới và siêu thế thì quý vị sẽ tìm thấy những ý niệm rất lạ lùng trong đạo Phật, đó là tâm. Nó sống dựa vào cảnh, lệ thuộc vào cảnh, ở đó nói lên trình độ của tâm.

Lần trước chúng tôi và thầy Giác Nguyên có nói về 5 triền cái và 5 chi thiền, hôm nay chúng ta sẽ nói về thiền vô sắc. Khi nói về điều này, chúng tôi có hi vọng như vậy, mặc dầu những điều này có lợi trực tiếp hay không có lợi trực tiếp vào bài học của quý vị và trong đời sống hàng ngày của quý vị. Nhưng mà ở đó cho chúng ta rất nhiều sự suy tư. Sự suy tư này đôi khi rất có lợi khi quý vị học về kinh tạng.

Trong cõi thiền vô sắc có tất cả 4 đề mục, 4 ý niệm; ý niệm này rất trừu tượng nhưng đủ mạnh để người ta có thể đạt đến sự gắn bó với tâm thức. Ví dụ, ở những khu người Hoa, đôi khi những người đi mua chuối, giống chuối tay chúng tôi đang cầm ở đây. Chẳng qua, râu chuối không chỉ tìm được ở chùa mà ở tất cả gift shop, souvenir đều có bán chuối nhưng chúng tôi nhìn thấy những người cầm râu chuối lên, trong họ gói gém rất nhiều ý nghĩa, có những người họ trồng chuối hồ phách, có những người trồng chuối mật lạp vì những chuối đó có khả năng giảm bớt áp huyết. Có người thích chuối san hô, chuối mã não, có nhiều người thích vòng ngà voi,... Cũng râu chuối cầm lên như vậy, khi người ta gửi gắm ý niệm vào đó, những ý niệm đó càng vĩnh hằng thì người ta cảm thấy ở đó có những gì rất đặc biệt với họ. Thì bởi từ đó nó mới có sự khác biệt với những râu chuối gỗ thường hay gỗ trầm, giữa đá thường và đá quý, giữa nilon, plastic và amber. Ý niệm gửi vào trong đó rất quan trọng. Trong suốt cuộc đời quý Phật tử lăn lộn trong cuộc sống, chúng ta hướng về những giá

trị vĩnh cửu. Giả sử mua về thứ vật dụng trong nhà nhưng nghĩ rằng mua vật đó chỉ có giá trị 1 năm thôi, thì quý vị không muốn mua. Nhiều phật tử kể cho chúng tôi rằng, nhiều khi họ không muốn mua computer vì 5,6 tháng sau là nó không còn giá trị đó nữa, do đó người ta muốn tìm một giá trị vĩnh hằng 09:59

[28/01/2022 - 12:54 - buithibuukim]

VI ĐIỀU PHÁP

TÂM ĐÁO ĐẠI

I/ Phần giảng của Sư Giác Đăng:

Thế gian có ba cõi: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Đó là ba cảnh giới có ba nếp sống sinh hoạt khác nhau. Thực sự khi nói đến Dục giới Sắc giới và Vô sắc giới chúng ta cũng nói đến ba trạng thái Tâm, và ba khuynh hướng sinh thái của Tâm trong hình thức tế nhị của nó.

Lần trước chúng ta có nhắc rằng cõi Dục giới là thế giới chúng ta đang sống đây là sống với nhiều cảnh khác biệt: mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị và thân cảm xúc, ý suy nghĩ. Sáu giác quan đưa chúng ta từ đối tượng này sang đối tượng khác, từ tâm thức này sang tâm thức khác. Những đối tượng tâm thức đó vốn dĩ có nhiều thứ, nên nội tâm chúng ta là trạng thái tâm có nhiều đặc tính. Về phương diện tốt thì chúng ta có khả năng bén nhạy vì tiếp xúc nhiều trần cảnh khác nhau. Ta có khả năng tránh né những gì ta không thích. Ta cũng có khả năng nghỉ ngơi khi ta cần nghỉ ngơi. Giống như cái máy chạy quá tốc thì tự nó sẽ nổ. Chúng ta có khả năng sáng tạo, cũng có khả năng để hoài nghi trong trường hợp cần phải hoài nghi. Nhưng ngược lại ta cũng phải trả giá cho những khả năng này. Hễ con người ta mẫn cảm, có cảm quan nhận được cái đẹp thì chúng ta cũng có sự dính mắc thì được Phật gọi là tham ái. Chúng ta có khả năng tránh né chuyện xấu thì lại dễ sanh tâm sân hận. Tham ái, sân hận, hôn trầm, thụy miên, phóng dật, hoài nghi đó là những cái giá mà ta trả trong cõi Dục giới.

Thí dụ người trong cõi Dục do tâm đi từ nơi này sang nơi khác, có nhiều đổi mới nên tâm rất sáng tạo. Nhưng ta lại có khuynh hướng rất dễ nhàm chán để ở yên một chỗ, để trụ vào một điểm. Do vậy cái giá của sự sáng tạo đó là sự phóng tâm. Từ Dục giới sang Sắc giới là ta nói đến một sự tập trung tinh thần để chuyên chú vào một đối tượng. Những đối tượng này đều tương đối dùng sắc nên gọi là Sắc giới.

Thí dụ một người dùng những đề mục như đất, nước, lửa, gió, hư không, v.v... để phát triển 5 trạng thái Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Định. Năm Chi thiên này cho phép hành giả sống thoải mái hơn trong điều kiện không có sắc, thanh, khí, vị, xúc. Tuy nhiên những điều này vẫn có những giới hạn. Như một người từ nhỏ và lớn lên trong vòng tay thương yêu của cha mẹ. Trong sự yêu thương đó họ cũng trưởng thành, được học hỏi nhiều và cũng có sức mạnh. Nhưng nếu người này suốt cuộc đời vẫn cứ sống trong vòng tay cha mẹ thì sẽ bị trì trệ, không thể phát triển được. Nếu người này muốn thích hợp, sống sót với cuộc đời thì họ phải làm chuyện quan trọng là rời vòng tay cha mẹ. Sống với người yêu, kẻ lạ, chịu đựng những cay đắng cuộc đời thì mới trưởng thành được.

Một người muốn rời cảnh Dục để đi vào cảnh Sắc giới thì họ phải có sự tôi luyện tâm hồn đủ mạnh để rời khỏi sắc, thanh, khí, vị, xúc để đến trạng thái nội tâm cao cấp Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc. Nhưng rời nó cũng chỉ là sự nương gá. Giống như một người rời khỏi cha mẹ ra cuộc đời vẫn phải sống có bạn bè, thiếu bạn bè thì không sống được. Người này phải trang bị cho mình một tư lương: kiến thức khả dĩ họ có thể sống một mình.

Thật sự ra đi và sống một mình là một kinh nghiệm rất dễ sợ. Tương tự, thế giới ta sống dầu độc lập đến đâu, dầu ta có giỏi đến đâu thì trong cái nhìn của đạo Phật thế giới đó đều là thế giới của TỤY THUỘC hết. Ở cõi dục, chúng ta tùy thuộc vào Dục. Lên cõi Sắc ta tùy thuộc vào Sắc. Nhưng qua cõi Vô sắc ta phải tìm cái gì đủ mạnh để từ thế giới của Sắc đến ranh giới của Vô sắc.

Thế giới của sắc là như chúng ta nhìn một đối tượng nào đó thuộc về vật chất để tham dự đời sống nội tâm, tham dự các chi thiên Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Định. Nhưng khi nói đến Vô sắc là nói đến thế giới của ý niệm. Ta phải nuôi trong đầu ý niệm nào đó đủ mạnh để ý niệm đó giúp ta không còn vướng mắc vào đề mục của Sắc giới. Thí dụ một người trong đời sống thường ngày họ chỉ thích chuyện ăn, mặc, đi đứng mua sắm mà bây giờ họ muốn thay đổi thì việc phải làm là tìm những giá trị cao đẹp hơn. Thí dụ như đầu tư thời giờ, tâm trí cho sách vở. Nếu họ tập trung vào sách vở được

thì sự tùy thuộc vào những vật chất thô thiên khác được giảm thiểu. Thậm chí có những người chỉ sống bằng những giá trị tinh thần thuần túy mà họ không bị lệ thuộc vào cái kia.

Tóm lại, trong cái nhìn của Đức Phật, tâm tư chúng ta bị lệ thuộc vào cảnh giới hoặc là Dục, Sắc và Vô sắc. Cảnh giới là môi trường cho tâm phát triển. Ta muốn đi từ cảnh giới này sang cảnh giới khác thì ta phải giã từ, mà giã từ thì tất có bịn rịn. Chúng ta đã quen sống với sắc, thanh, khí, vị, xúc mà giờ muốn từ bỏ, muốn được sống độc lập không cần những thứ đó nữa thì nó không phải là chuyện đi dễ dàng. Vừa giã từ cái cũ vừa phải làm quen cái mới, nhận gắn bó với cái mới thì đó là chuyện rất khó.

Do vậy giáo lý về Tam giới, nói về cảnh giới của Tâm là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và Siêu thế thì quý vị sẽ tìm thấy những ý niệm rất lạ và mới trong đạo Phật. Đó là Tâm thì sống dựa vào cảnh. Nó lệ thuộc, tùy thuộc vào Cảnh. Lần trước chúng tôi và thầy Giác Nguyên có nói về 5 triền cái, 5 Chi thiên, hôm nay chúng tôi sẽ nói về Thiên Vô sắc. Chúng tôi hy vọng nói những điều này có lợi trực tiếp hay không trực tiếp vô bài học hay trong đời sống hàng ngày của quý vị nhưng ở đó cho chúng ta rất nhiều suy tư. Những suy tư này đôi lúc rất lợi ích cho quý vị khi quý vị học Kinh Tạng.

Trong cõi Thiên Vô sắc có tất cả 4 đề mục (ý niệm) rất trừu tượng nhưng đủ mạnh để ta có thể đạt tới sự gắn bó mới trong tâm thức. Tôi thí dụ các vị qua Trung Hoa thấy người ta mua chuối. Ở Trung Hoa chuối có thể tìm được ở chùa và ở các gift shop, chỗ bán đồ souvenir. Tôi để ý thấy khi họ cầm xâu chuối lên thì gói ghém rất nhiều ý nghĩa, có người trợn chuối hồ phách, có người thích chuối mật lạp vì họ cho rằng nó làm giảm huyết áp. Có người thích chuối đá, có người thích chuối san hô, mã não, ngà voi v. v. . . Khi người ta gửi gắm vào xâu chuối những ý niệm nào đó, những ý niệm càng lớn có tính chất vĩnh hằng thì người ta càng cảm thấy có gì đó rất đặc biệt với họ. Vì vậy mới có sự khác biệt giữa xâu chuối gỗ thường với chuối gỗ trầm, với loại đá quý, những ý niệm gửi vào đó rất quan trọng.

Cũng vậy, trong suốt cuộc đời lam lũ, lăn lộn trong cuộc sống chúng ta luôn hướng về những giá trị vĩnh cửu, những giá trị không bị giới hạn. Cũng như quý Phật tử muốn bỏ tiền ra mua một vật gì trong nhà mà nghĩ giá trị nó chỉ một năm thôi thì quý vị nản không mua. Tương tự vậy, một hành giả an trú trong đề mục Sắc giới, vị này thọ hưởng hạnh phúc, lạc thú do Tâm, Tứ, Hỷ, Lạc, Định mang lại. Nhưng một lúc nào đó các vị thấy rằng tâm thức mà còn lệ thuộc vào thế giới vật chất thì nó là cái gì rất hữu hạn. Họ muốn đạt tới cái gì vô hạn (những cái không có biên giới, không có hạn cuộc), là những cái miên viễn, vĩnh hằng. Những điều này để gom tâm nhứt tâm vào. Khi những ý niệm trừu tượng đó đủ khả năng khai triển tâm định của họ thì họ sẽ chứng đắc các tầng thiên Vô sắc giới.

Có 4 tầng thiên Vô sắc: Không vô biên, Thức vô biên, Vô sở hữu và Phi tướng phi phi tướng. Bốn tầng thiên này vốn được phổ thông trước thời đức Phật. Ngay lúc đức Tôn sư ra đời thì các vị tỷ kheo và Đức Phật vẫn tu tập thiên này. Trước khi Đức Phật thành Chánh Giác thì Ngài đã đạt tới Phi tướng phi phi tướng. Sau khi Đức Phật viên tịch một thời gian lâu, những ý niệm về Không vô biên, Thức vô biên, Vô sở hữu, Phi tướng phi phi tướng đã là những nguồn tư tưởng rất to lớn của Đạo Phật.

Lát nữa nếu có thì giờ chúng tôi sẽ có vài so sánh về thế giới của Hoa Nghiêm và quan niệm về Không vô biên, hay về Pháp Tướng Tông và Duy thức đối với Thức vô biên, quan niệm về Tánh không đối với Vô sở hữu, và logic của Bát Nhã đối với Phi tướng phi phi tướng. Khi chúng ta có một số ý niệm về việc này chúng ta sẽ thấy rằng có sự liên đới rất liên lạc giữa các quan niệm về Thiên Vô sắc và lịch sử dòng tư tưởng Đạo Phật.

Trở lại bài học của chúng ta, chúng ta sẽ nhờ thầy Giác Nguyên giới thiệu với quý vị một số ý niệm: thế nào là Không vô biên, là Thức vô biên, là Vô sở hữu, thế nào là Phi tướng phi phi tướng. Và tại sao những ý niệm rất trừu tượng này đủ mạnh, có đủ khả năng để khiến hành giả phát triển tâm Định đến mức độ cao như vậy.

II/ Phân giảng của sư Giác Nguyên:

Kính bạch thầy trụ trì. Kính thưa lớp học.

Hôm trước lớp chúng ta được hướng dẫn bởi một thầy, bây giờ là hai, mình học phương pháp mới, Thượng tọa hỏi thay thế lớp học, đặt ra một số vấn đề với tôi, tôi trả lời. Kính thưa đại chúng trước khi nói về Thiền Vô sắc mình ôn lại chút xíu.

Thế giới chúng ta đang sống là Dục giới. Tức là chúng ta đến với cuộc đời này bằng lòng tham với sắc, thanh, khí, vị, xúc. Chúng ta đến với cuộc đời bằng 6 tham ái đó, và chúng ta thường thức, tồn tại trong cuộc đời cũng bằng 6 tham ái đó. Mai này chúng ta cũng sẽ ra đi khỏi thế giới này bằng 6 tham ái đó nếu ta còn là phàm nhân. Có một điều là do trình độ sai khác giữa các chúng sinh nên ngay trong cõi Dục này có những người họ đặt cơ sở cho niềm vui của họ ngay trong những chuyện ăn uống, hưởng thụ, tình ái v.v... Đó là trình độ thấp. Nhưng cũng có những người, các vị đi vào những museum về nature các vị thấy họ ăn rồi họ dành cả ngày, cả tháng sấm soi mấy con khủng long, như thượng tọa giới thiệu với chúng ta. Nhưng có những người ở trong cõi Dục mà đi tìm những điểm về cho chính tâm hồn của mình bằng cái đề tài khác, phải không ạ. Nhưng có một điều vì chúng ta sinh và trưởng trong cõi Dục, nên sự thanh thân của chúng ta trong cõi Dục đầu sao nó vẫn y cứ trên các cảnh dục.

Tôi ví dụ những đề tài như sách vở chúng ta đọc trong library hoặc những gì chúng ta nghiên cứu, tham khảo là những đề tài đặt cơ sở trên các dục đầu nó có tha thiết cách mấy. Nhưng mọi chuyện không dừng lại ở đó, có người nghĩ cao cấp hơn là muốn tìm một lối thoát cho tinh thần, mà lối thoát đó đặt cơ sở trên 5 cảnh dục nữa, thì dù mình đam mê về các loài hoa, về bướm, về tảo biển, đam mê về các loài thực vật trong rừng v.v... Những đam mê này vẫn được thiết lập trên căn bản của 5 dục. Các vị này hướng đến một lối thoát khác đó là tinh thần họ tập trung vào những cảnh xa rời dục lạc. Như tập trung vào đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, hư không, ánh sáng, niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng niệm Thí niệm Giới, v.v... Họ tập trung tư tưởng vào một trong hàng mấy chục đề mục như vậy để đạt được một chữ 'Định'. Mới đầu tâm hồn họ giống tâm hồn chúng ta: một ngọn lửa được thắp sáng lên và nhiệt lượng phát ra chung quanh. Đến một mức độ nào đó thì tâm hồn họ giống như một ngọn lửa được nhốt kín trong một ống khói. Các vị tưởng tượng một ngọn lửa lúc bấy giờ không có gì chụp lên thì toàn bộ nhiệt lượng của nó sẽ bị phân tán, chúng ta có thể để bàn tay lên trên mà không nóng. Nhưng nếu cũng ngọn lửa này (không thêm không bớt) mà chúng ta chụp vào trong đó một ống khói đèn thì toàn bộ nhiệt lượng của ngọn lửa sẽ được tập trung vào một chỗ, thì lúc đó cũng ở khoảng cách này bàn tay chúng ta không thể nào để lên được vì toàn bộ hơi nóng đã được dồn vào một chỗ.

Thì đối với một người không phân tán nội tâm qua các ngõ trần cảnh: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý nữa, mà chỉ tập trung vào một hướng thôi đất, nước, lửa, gió ... họ chỉ tập trung vào một đề mục không thôi thì lúc bấy giờ nội tâm họ có khả năng XUYÊN THẤU VÀ ĐÓT CHÁY 5 THỨ TRIỀN CÁI : tham dục, sân độc, hoài nghi, phóng dật, v.v... Với khả năng như vậy, trình độ tâm linh cao nhất mà hành giả đạt được lúc này thuật ngữ Phật học gọi là Thiền định. Với sự định tâm đó hành giả không ăn không uống một ngày, hai ngày, ba bốn năm sáu và bảy ngày. Được như vậy! Nếu một hành giả có ba la mật nhiều thì từ việc tập trung này, hành giả có thể dùng tư tưởng mình cho nó trở thành một nguồn năng lượng.

Các vị biết cái đập thủy điện không ạ, nước chỉ là nước thôi, nhưng khi người ta làm cái đập chặn ngang nó lại, làm cho nước thoát đi ở một điểm nào đó nó trở thành một nguồn sức mạnh kinh khủng. Thì với sự định tâm mà hành giả gom góp, tích góp, dồn trữ được trong bấy lâu thì bây giờ nguồn định tâm đó trở thành sức mạnh mà nếu vị đó muốn có thể biến người nữ thành người nam. Vị đó có thể thăng thiên, độn thổ, lấy tay rờ mặt trăng mặt trời. Nói theo vật lý học hiện đại thân tâm vị đó, tinh thần và vật chất vị đó lúc bấy giờ không còn có khoảng cách nữa. Einstein đã từng nói: Khi vật chất đạt đến tốc độ nào đó thì nó trở thành zero phải không ạ?

Rồi một lần ngài A Nan hỏi đức Phật: Có phải chăng Thế Tôn tự cái thân bằng đất nước lửa gió này và máu xương này Thế Tôn bay đến cõi Phạm Thiên không cần hiện cái thân khác? Đức Phật nói phải, ta đi về cõi Phạm thiên bằng tám thân này. Ngài A Nan nói: "Bạch Thế Tôn con rất lấy làm khó hiểu, xin Thế Tôn giải thích cho con". Phật nói: Cũng giống một thỏi sắt trước sau nó chỉ là thỏi sắt, nhưng trọng lượng thỏi sắt sẽ hoàn toàn thay đổi nếu nhiệt độ nó bị thay đổi. Một thanh sắt nhẹ được nung nóng lên và một thanh sắt để nguội nhiệt độ sẽ khác nhau. Thì Đức Phật nói cũng

vậy, với một người điều phối được tâm thức ở một mức độ hoàn chỉnh như thế thì lúc bấy giờ cái thân sẽ trở nên nhẹ nhàng hơn.

Một lần khác, đức vua Milinda hỏi tỳ kheo Nagasena “Tôn giả hãy giải thích cho con nghe làm sao người ta có thể bay lên được”. Thì ngài Nagasena nói ý thế này: cái chuyện người ta bay là có thể được chứ không khó khăn. Tôi xin hỏi đại vương từ bé đến giờ có khi nào tâm thân đại vương lơ lửng mặt đất. Vua Milinda nói có, đó là những lần trầm nhày lên. Thì ngài Nagasena nói: khi đại vương MUỐN thì lập tức thân đại vương đầu nặng cách mấy nó vẫn có thể rời mặt đất như thế nào thì vị hành thiền khi họ chứng thân thông họ vẫn có thể rời khỏi mặt đất. Sở dĩ họ bay được lâu bởi vì cái tâm họ định mạnh. Còn cái tâm đại vương yếu quá nên nó rớt trở lại. Vị chứng được thiền định đầu họ còn phàm nhưng họ có khả năng sử dụng cái thân này bay lên hư không, độn thổ đều tùy thuộc vào tâm lực họ tạo.

Nhưng cũng có chúng sanh họ nghĩ: mình từ bỏ dục lạc để đạt tới cảnh giới này nhưng để được gì? Nó vẫn còn bị hạn cuộc: con mắt vẫn còn phải bị nhìn thấy, cái tai vẫn phải nghe, mình vẫn còn là một khối hình hài giữa cuộc đời chật hẹp, tù túng. Vị đó nghĩ rằng ngày nào còn thân xác là ngày đó cũng còn như bao nhiêu người khác. Vị đó suy nghĩ: vấn đề là mọi thứ vật chất trên đời đều hữu hạn. Vị đó lại nghĩ thêm: chỉ có hư không là vô hạn. Các vị nghe kịp không, ngôi nhà dù rộng cách mấy cũng có điểm dừng của nó, dòng sông dài mấy cũng có chỗ chầm dứt của nó, hồ rộng cách mấy cũng có cái biên bờ của nó, nhưng hư không thì không bao giờ. Chúng ta nên có sự phân biệt rõ giữa đề mục hư không và hư không vô biên.

Rất tiếc là thầy trụ trì nói chúng tôi đã dạy quá nhanh, phần các tâm đạo đại chúng tôi đã chưa kịp giải thích các vị nghe về các tầng thiền định. Bấy giờ chúng tôi nói tóm tắt thế này. Khi nhận ra được chỗ mình ở nó là vật chất, tâm thân mình còn là vật chất thì vị đó thấy rằng ngày nào chỗ mình ở không còn là vật chất, ngày nào tâm thân mình nó không còn là vật chất nữa thì ngày đó mình mới đạt được cảnh giới vô hạn. Hay nói ngày nào tôi còn nằm trong khối cộng đồng chung châu Âu, ngày nào tôi còn nằm trong nước VN thì passport của tôi còn có giới hạn. Nếu tôi là công dân Mỹ thì nó rộng rãi hơn phải không ạ? Thì vị đó lúc bấy giờ như mang tư tưởng của một người đi làm giấy tờ để vào quốc tịch Mỹ. Còn tất cả những cảnh giới còn lại như 6 cõi Dục giới được xem như quốc tịch VN, các tầng thiền Sắc giới giống như quốc tịch của châu Âu. Riêng về thiền Vô sắc giới giống như quốc tịch của Mỹ vậy, nói nôm na như vậy.

Tức là ngày nào thân này còn là một thứ vật chất, chỗ mình ở là một thứ vật chất là ngày đó mình còn bị giới hạn, nên vị này hướng tới tầng thiền hư không vô biên. Nhưng đến giai đoạn nào đó vị này thấy rằng hư không vô biên đúng là vô biên nhưng nó vẫn bị tâm thức biết, vậy cái tâm thức đó mới thật sự là vô biên vì nó biết được cái vô biên. Cũng giống như tại sao nói trí tuệ Đức Phật là bất khả tư nghì. Là tại vì trên đời này có bốn pháp bất khả tư nghì: thứ nhất là bất khả tư nghì. Nếu ai đó chưa phải là bậc Chánh đẳng chánh giác thì không thể nào hiểu biết một cách trọn vẹn lý nghiệp báo. Chỉ có đức Phật hiểu biết trọn vẹn lý nghiệp báo thôi, nên lý nghiệp báo được xem là bất khả tư nghì. Thứ hai là thế giới bất khả tư nghì, chẳng hạn cái trứng có trước hay con gà có trước, hoặc là cái cây có trước hay cái trái có trước. Thứ ba là thân thông bất khả tư nghì. Năng lực thân thông là vị đó làm được nhiều cái chuyện di sơn tạo hải, hô phong hóa vũ, điều này đức Phật gọi là thân thông bất khả tư nghì. Thứ tư là Phật trí bất khả tư nghì, tức là trí đức Phật hiểu được tất cả những gì là bất khả tư nghì nên trí Phật từ đó được gọi là bất khả tư nghì.

Thì hư không vốn đã là vô biên mà cái gì biết được hư không là vô biên? – Chính là tâm thức của chúng sanh. Biết được hư không là vô biên nên tâm thức đó lại còn vô biên hơn, rộng rãi hơn.

Tiếp theo vị đó thấy là cả hư không là vô biên nhưng còn bị thức biết, và cái thức này nó vẫn còn được ghi nhận. Trong Kinh văn ghi nhận là khi hành giả ở tầng thiền hư không vô biên, vị đó chỉ cần suy niệm trong đầu “thức là vô biên”. Đến tầng thiền vô sở hữu xứ, vị đó niệm: trên đời này tất cả chỉ là tương đối thôi. Cả ‘thức’ lẫn ‘hư không’ đều là tương đối cả. Vị đó không chấp trước vào bất cứ cái nào, cả thức lẫn hư không. Nên cái thứ ba này gọi là Vô sở hữu xứ là không có gì hết.

Thứ tư là Phi tướng phi phi tướng xứ. Khi học Vi diệu pháp tới bài 21 cảnh chúng tôi sẽ hướng dẫn các vị trong 21 cảnh đó tâm nào biết được cảnh quá khứ, tất cả tâm nào biết được cảnh vị lai, tất cả tâm nào biết được cảnh hiện tại. Thì trong tất cả 4 tầng thiền này cái tâm hư không vô biên, tâm

thức vô biên nó quán sát trở lại cái cảnh của hư không vô biên. Nói chung cái tâm thứ ba nó biết được cảnh thứ nhất, cái tâm thứ tư biết được cảnh của tâm thứ hai. Như vậy Phi tướng phi phi tướng xứ chính là một hình thức phát triển cao nhất của ý thức.

(Chúng tôi nghĩ rằng có lẽ chúng ta có hai cách giải quyết trong bài học này. Hoặc là chúng tôi phải bỏ ra một thời gian từ đây tới chiều để quý vị hiểu. Còn hai nữa là phải nhờ thầy trụ trì đúc kết vấn đề này, vì chúng tôi càng nói càng thấy quý vị càng mịt mù!!!)

III/ Phân giảng của sư Giác Đăng:

Chúng tôi xin nhắc quý vị một điều là học Vi diệu Pháp đôi khi ngoài việc tưởng tượng ra chúng ta còn đặt ra nhiều thắc mắc nữa. Khi quý Phật tử nghe những điều như: không vô biên, thức vô biên, vô sở hữu, phi tướng phi phi tướng quý vị hỏi sao mấy cái đó lớn chuyện như vậy. Giống như khi chúng ta ở đất nước nghèo chúng ta nghĩ làm sao chạy gạo đủ ăn là đủ rồi, không còn nghĩ gì hết. Hoặc hỏi chúng ta còn nhỏ, tuổi thơ có kẹo ăn là đủ rồi không cần gì phải lo xa xôi. Quả thật tâm tư chúng ta nó không dừng ở tại đó. Nếu cuộc sống chúng ta không phải còn bị chạy gạo mà có đủ ăn thì ta sẽ thấy rằng nhu cầu muốn sống nó sẽ tăng lên, vì chúng ta nhìn thấy cái tâm thường của nó.

Tương tự, một vị muốn rời khỏi thế giới họ thấy rằng thế giới của vật chất là thế giới của hữu hạn. Như thầy Giác Nguyên nói: nhìn con sông có dài cách mấy thì nó cũng sẽ có chỗ chầm dứt của nó. Núi cao có thọ cách mấy thì có ngày núi cũng bị hoại diệt đi. Vật chất luôn luôn có hạn chế, sự hạn chế này khiến một người có đủ tâm lực cao như vậy không thấy thỏa mãn. Chúng ta bây giờ không nhiều tiền thì chúng ta rất dễ bằng lòng với đời sống rất bình thường ở tại đây, ở nhà muốn chi cần có chiếc xe chạy. Nhưng khi mình có nhiều tiền mình nghĩ tới những chuyện như bỏ ít tiền vô cho đại học để mai một mình chết đi đại học còn nhắc tới tên mình, rồi mình nghĩ tới chuyện xa xôi hơn bây giờ.

Tương tự vậy, cái gì lâu dài, miên viễn, cái gì không bị giới hạn thì vị hành giả dùng cái đó làm sức bật khiến cho họ có thể rời khỏi thế giới này đi sang thế giới khác. Vật chất có hạn cuộc của vật chất mà chúng ta không thể phủ nhận. Một vị sau thời gian sống trong sắc và trưởng thành trong sắc, vị này khám phá ra rằng vật chất quả thật là giới hạn, chỉ có hư không mới là vô biên. Hỏi thầy Giác Nguyên nói rằng cũng dựa trên quán xét đó, một vị đến Thức vô biên họ nghĩ rằng dầu hư không là vô biên, nhưng hư không còn bị tâm biết. Như vậy chỉ có tâm mới là vô biên chứ hư không không là vô biên vì hư không còn bị tâm biết.

Cũng tương tự như trong đời sống này chúng ta trọng sách vở. Nhưng một lúc nào đó chúng ta thấy rằng sách vở là cái gì đó nó chỉ thuộc về kiến thức thôi, khi người ta có nhiều kiến thức thì người ta không cần sách vở nữa. Thì đến trình độ khác là họ phủ nhận, từ phủ nhận vật chất rồi đến tâm thức. Nhưng một thời gian họ cảm thấy rằng tâm thức nó cũng có biến động của nó, có vô thường của nó và họ phủ nhận cả hai: tâm thức và vật chất, đến trình độ là họ nói không có gì hết. Mặc dầu đó là ý niệm rất trừu tượng nhưng an trú vào ý niệm đó người ta thấy có sức mạnh to lớn để thành tựu một tầng thiên gọi là Vô sở hữu. Chúng ta biết rằng đó là một trò chơi của tâm thức dầu chúng ta nói ở mức nghiêm túc khác cũng vậy. Người ta thấy rằng hề còn có tướng, và cái tướng đó còn được biết thì nó vẫn còn có giới hạn. Do vậy mới có ý niệm về Phi tướng phi phi tướng. Thầy Giác Nguyên có ý kiến là kết thúc bài này tại đây, có lẽ chúng ta đi xa quá không có lợi cho bài học. Tuy nhiên chúng tôi muốn đúc kết quan niệm về Tam giới của đạo Phật: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới:

- Thứ nhất, trạng thái tâm đã tạo ra các cõi. Cõi dục, cõi sắc và vô sắc đều dựa trên tâm này. Nhưng yếu tố tâm trong cõi Dục giới thì có tâm có tu và có tâm không có tu. Thí dụ vấn đề thích thú với sắc với thính, đó là vấn đề bản năng, là ảnh hưởng bởi nghiệp bởi thói quen của chúng ta. Nhưng riêng về cái tâm sắc giới và vô sắc giới chúng ta gọi là tâm đạo đại thì đó là những trạng thái tâm được huấn luyện, được có sự tập trung hướng tới điểm nào đó. Sự trưởng thành của tâm sẽ thay đổi cảnh giới.

Một hành giả khi chứng đạt tầng thiên nào là người đó thực sự trưởng thành thuần thực thì người đó sẽ thấy rằng đã đến lúc phải đi đến cao điểm xa hơn. Tiến bộ của các tầng thiên cho chúng ta thấy một điều là hề chúng ta quá thuần thực trong một cảnh giới nào thì thường chúng ta phải nhận chân ra sự giới hạn của cảnh giới đó. Giống như một người học ở trường miền quê một lúc nào đó thấy rằng trường không đủ sức cuu mang mình nữa thì bỏ lên tỉnh học. Lên tỉnh thời gian thấy không đủ

nữa thì lên kinh đô mà học. Chính trạng thái của tâm, chính sự trưởng thành của tâm nó tạo ra sự khác biệt giữa các cảnh giới.

Khi nói đến sự khác biệt giữa các tâm thì chúng ta phải nói sự khác biệt giữa các cảnh. Một người hiểu Đạo hiểu rằng cảnh giới và sự lãnh hội các cảnh giới nó vốn dĩ tạo ra con người chúng ta. Dầu muốn hay không chúng ta nhận ra điều đơn giản đó. Chúng ta sống với môi trường nào, với điều kiện nào thì tự nhiên tâm hồn chúng ta theo đó an trú cho chúng ta trở thành một con người tương tự như vậy. Có một câu chuyện, khi xưa một vị Lạt Ma đi ngang một ngôi làng ở Bhutan. Vị đó thấy người dân làng khuôn mặt có vẻ khắc khổ, hung dữ. Vị này tìm hiểu mới biết người dân làng đều sống bằng nghề làm mặt nạ. Mà đó là những mặt nạ hình quỷ dữ, hình những vị thần có khuôn mặt răn đe. Vị Lạt Ma để thì giờ vẽ những mặt nạ hình các vị thần tươi đẹp và đề nghị dân làng hãy thử làm những hình đó. Những sản phẩm của họ bán chạy. Một thời gian sau vị Lạt Ma trở lại thì thấy rằng trên khuôn mặt người làng đã khác đi. Bây giờ họ làm những mặt nạ các vị thần tươi đẹp, ung dung, tự tại thì tâm tư họ cũng vậy.

Nên chỉ khi các vị nghe thầy Giác Nguyên đề cập đến các trạng thái Sắc giới, Vô sắc giới có tính cách rất chuyên môn nói về một thế giới xa xăm. Nhưng chúng tôi tin rằng ở đó có bài học rất lớn. Chúng ta muốn thay đổi con người chúng ta thì phải thay đổi cảnh giới chúng ta đang sống, thay đổi môi trường đang sống, những gì chúng ta đón nhận vào lòng. Môi trường và cảnh giới chúng ta sống nó càng tế nhị thì tâm tư nó sẽ càng khác đi. Cũng giống như khi ta đi vào nơi ăn chơi trong nhà hàng thì tâm hồn ta sẽ khác, lúc đi vào trong thư viện thì tâm hồn sẽ khác, lúc đi chùa tâm hồn sẽ khác. Những trạng thái thay đổi đó đôi khi ta không để ý mà cơ hồ cảm thấy mọi thứ ở đâu thì vẫn đó thôi. Nhưng năm dài tháng rộng nó thay đổi rất nhiều.

Chúng tôi tiếp xúc một số Phật tử sống ở Thái Lan thấy có điểm sau. Một người sống ở nơi huyên náo như Bangkok thì miếng ăn manh áo làm một vai trò then chốt trong đời sống của họ thì khuôn mặt họ khác. Nhưng nếu quý vị đến Chiang Mai hoặc một vùng đất tương đối chùa chiền nhiều và cuộc mưu sinh không phải vất vả nhiều thì ta sẽ thấy con người ở đó có trạng thái khác. Cảnh nuôi tâm thì tâm nuôi sự sống, đó là ta học trong bài Tứ Thực, trong đó Đức Phật dạy rất rõ ràng.

Đó là ta dùng kiến thức rất thường thức để hiểu về ba cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Nói ngắn gọn, trong cõi Dục giới chúng ta sống tùy thuộc rất nhiều vào sắc thính khí vị xúc, thấy nghe ngửi nếm đụng. Sắc giới và Vô sắc giới là thế giới của sự tu tập. Ở đó người ta có thể an trú vào một đối tượng. Đối tượng đó có thể thuần vật chất như của cõi Sắc giới và những đối tượng rất trừu tượng về tinh thần như Vô sắc giới. Mỗi đối tượng đó đem lại một trạng thái tâm khác nhau. Các trạng thái tâm đó càng lúc càng tế nhị trong các tầng thiên.

Chúng tôi không đi xa hơn nữa vì như thầy Giác Nguyên nói đó, nếu chúng ta bàn về điều này thì nói tới chiều. Một điểm thú vị khi các vị học Vi Diệu Pháp là chúng ta sẽ có để trở lại đào sâu ý niệm này trong tương lai. Nãy giờ chúng ta nói luân quần loanh quanh ba cõi Dục, Sắc và Vô sắc. Bây giờ chúng tôi nhờ thầy Giác Nguyên đưa quý vị đi về cõi xa hơn nằm ngoài ba cõi đó gọi là trạng thái Tâm Siêu thế.

IV/ Phần giảng của sư Giác Nguyên

Kính bạch thầy trụ trì. Kính thưa đại chúng lớp học của mình. Đứng ra theo sắp xếp thì chiều nay chúng ta chưa học Tâm Siêu thế. Nhưng có điều thượng tọa trụ trì không có nhiều thời gian với chúng ta. Nếu để chúng tôi làm việc riêng với các vị thì chúng ta sẽ mất rất nhiều các vấn đề sâu rộng, vì tôi hướng dẫn các vị chỉ một chiều không thôi. Nếu nói những khía cạnh phức tạp và tế nhị của bài học thì chỉ một mình tôi nghe thôi. Khi có thượng tọa trụ trì thì thượng tọa sẽ thay các vị bàn về một số vấn đề khác sâu hơn.

Câu hỏi của Thượng tọa là thế nào là bước nhảy từ phàm sang thánh, từ hiệp thế sang siêu thế. Xin thưa dầu là mình đam mê trong các cảnh sắc, cảnh dục, cảnh thiên vô sắc, thì suy cho cùng Tam giới giống như ngôi nhà lửa. Ngôi nhà cháy dầu các vị có leo lên nóc hay chui xuống bàn thì cũng vậy thôi. Vấn đề là nó lâu hay mau, chóng hay chậm thôi: “Tam thế như hỏa trạch”. Ở cõi dục, sống bằng sắc thanh khí vị xúc thì cũng phải sanh ra lớn lên rồi chết đi. Sống bằng các tầng thiên có hình có dáng cao lớn đẹp đẽ như Phạm thiên thì cũng sanh ra rồi chết đi. Rồi có trở thành các vị Phạm

thiên hư không vô biên, thức vô biên, vô sở hữu xứ hay là Phi tướng phi phi tướng xứ sau cùng thì các vị đó đã có sanh ra thì cũng phải có ngày chết đi.

Các vị có biết cõi phạm thiên tuổi thọ ở cõi trời Dạ giới mà lâu nhưt tức là cõi của Ma vương ở thời gian là 9 tỉ rưỡi năm. Nhưng mà ở dưới địa ngục cũng lâu lắm. Địa ngục Vô gián thì một ngày đêm ở đó bằng 1 tỉ rưỡi năm trên mình. Tức tương đương tuổi thọ của Ma vương. Nhưng mà dầu lâu gì lâu thì cái người vào trong đó rồi cũng phải ra thôi chớ đâu ở đó hoài Ngài Mục Kiền Liên cũng từ trong đó ngài ra. Rồi có sống lâu như cõi Phi tướng phi phi tướng thì chư phạm thiên ở đó cũng được 84.000 đại kiếp thôi.

Tức là địa cầu này có 4 giai đoạn: thành, trụ, hoại, không. Thành là giai đoạn từ không có gì hết mà nó có trăng sao hoa lá, cây cỏ vũ trụ thiên hà. Trụ là từ lúc nó có cho đến lúc nó bị hư hao. Còn hoại là từ lúc nó có cho đến lúc nó không còn gì hết. Giai đoạn không là lúc cả tam thiên đại thiên thể giới nó chỉ là cái khối u u minh minh mờ mờ hỗn mang. Thì 4 giai đoạn đó cộng lại thành trụ hoại không gọi là một đại kiếp. Tuổi thọ của một vị Phạm thiên Phi tướng phi phi tướng, tức tầng thiên Vô sắc cao nhưt đồng thời cũng cao nhưt trong Tam giới thì các vị đó sống được 84.000 đại kiếp. Sống lâu như vậy. Hoặc là có một hạng chúng sanh mà tuổi thọ họ tương đương các vị Phạm thiên vô sắc, đó chính là những người đoạn kiến. Trong Kinh nói mấy người đoạn kiến (không tin có kiếp trước kiếp sau có quỷ thần, tội phước...) trong giờ phút lâm chung mà họ không thay đổi suy nghĩ của họ thì họ sẽ sanh vào cái thế giới (âm thanh bị mất).

...và giúp người khác được giác ngộ thì ta sẽ trở thành một vị Bồ tát Chánh đẳng chánh giác. Còn nếu mong rằng mai một với phước báo này tôi sẽ trở thành một người giác ngộ thì sẽ trở thành một vị Độc giác. Còn nếu mình có nguyện là bất cứ lúc nào tôi chứng được thiên thì tôi chùng, tôi có độ được ai thì tôi sẽ độ thì lúc đó mình sẽ trở thành vị Thinh văn giác. Tức là tự mình đi thì đi không được, nhưng nếu có ai đó rước mình đi thì mình cũng đi, ai nhờ mình cũng giúp. Thì đó là những pháp tu mình chọn lựa.

Với một người thành tựu đủ 10 ba la mật này, thí dụ tôi nói vị Thanh văn giác cho dễ hiểu. Vị đó tu tập thành tựu Giới – Định – Huệ: giới của cư sĩ mà trong sạch cũng gọi Cư sĩ giới, giới Sa di mà trong sạch gọi Sa di giới, giới tỳ kheo trong sạch cũng kể là giới. Các vị nhớ kỹ chỗ này, chớ đừng nghĩ rằng phải giới của tỳ kheo mới được. Giới của hạng nào mà trọn vẹn, trong sạch thì gọi là giới. Thì với trình độ Giới học trong sạch như vậy, với nền tảng này, cơ sở này vị đó phát triển các tầng thiên. Trong mình có 6 cửa sổ thì lúc đó vị đó bẻ hết 5 cửa sổ, đóng một lúc 5 cửa để dễ kiểm soát. Nếu vì lý do nào đó vị đó có nhu cầu mở một cửa sổ khác thì lập tức đóng cánh cửa kia lại. Cho nên nếu ai hỏi các vị tu thiên là sao thì các vị nói là 'làm việc đóng cửa'. Tôi đang ngồi mà không có gì để tôi nghe tôi nhìn hết thì tôi tập trung vào tư tưởng. Nhưng nếu tôi nghe tiếng chó sủa thì lập tức tôi dồn tất cả chánh niệm và định tâm của tôi vào con mắt. Tôi nhìn người đó nếu là người tôi thương lập tức tôi chuyển toàn bộ chánh niệm tôi qua ý thức để ý thức ngăn chặn tâm tham. Còn nếu đó là người tôi ghét thì tôi cũng dồn toàn bộ chánh niệm tôi kéo về như đánh cờ tướng vậy. Tất cả có sáu cái thôi, như trên bàn cờ mà chỉ có 6 cái thôi. Trong trường hợp đó nếu một người thành tựu ba la mật. Có ba cách: thượng, trung, hạ.

- Nếu thành tựu ba la mật bậc hạ thì vị đó chứng đắc các quả hữu học. Tức là đắc Sơ, nhị, tam, tứ đạo. Sơ, nhị, tam, tứ quả là vị đó vĩnh viễn không bao giờ còn tà kiến nữa. Vị đó vĩnh viễn không bao giờ nghĩ rằng 'mắt, tai, mũi, lưỡi, thân là của tôi. Vĩnh viễn không bao giờ nghĩ rằng 'danh' là của tôi 'sắc' là của tôi. Vị đó không bao giờ nghĩ rằng niềm vui nỗi buồn là của tôi. Vị đó vĩnh viễn không bao giờ tu tập theo một pháp môn nào, duy trì một niềm tin nào mà đi ngược lại lý Tam tướng và Nhân quả chống lại tinh thần Đức Phật. Vị đó suốt đời không bao giờ như vậy. Đó là ba la mật bậc hạ.

- Ba la mật bậc trung là vị này sau khi thành tựu ba la mật rồi, phát triển trí tuệ, đoạn trừ tất cả các lậu hoặc phiền não dầu tham dầu sân dầu si, hôn trầm, thụy miên, hoài nghi, phóng dật... đại khái vị này đoạn trừ hết.

- Ba la mật bậc thượng là vị này chứng được A La hán có khả năng thị hiện thần thông và xuất nhập tự tại tất cả các loại thiên định. Có những vị A La Hán chứng A la hán rồi nhưng mà con kiến cắn cũng chịu thua. Nhưng có những vị A La Hán không phải như vậy, mà có thể hô phong hoán vũ

như ý muốn. Trong Kinh nói ngài Mục Kiền Liên sở dĩ được gọi là đệ nhất thần thông là bởi vì nói theo đơn vị thời gian mình là trong vòng một phút Ngài có thể xuất nhập xuất nhập cả chục cái đề mục. Như Ngài niệm đề mục đất rồi hóa thông đề mục đất, rồi xuất khỏi đề mục đó. Ngài niệm đề mục gió, hóa thông vào đề mục gió xong rồi xuất khỏi đề mục đó. Các vị biết Vị Chánh Đẳng Chánh Giác trong một giờ đồng hồ của mình ngài có thể xuất và nhập 2.400.000 lần thiên, xuất nhập, xuất nhập như vậy.

Trở lại câu hỏi của thượng tọa trụ trì: thế nào là siêu thế? Tức là vị này sau khi nhàm chán dục, sắc và vô sắc, cái nhàm chán này không phải chỉ trong kiếp hiện tại mà nó được khởi đi trong vô số kiếp luân hồi. Khi nhàm chán vậy thì tu tập 10 pháp ba la mật. Ở đây tôi xin nói rõ với đại chúng mình không rõ ai là người tròn ba la mật, ai là người thiếu ba la mật nên mình cứ nhắm mắt mà tu thôi. Khi có ba la mật đầy đủ rồi thì tự nhiên cách nhìn của mình với các pháp nó khác đi. Khi ba la mật các vị đầy đủ, các vị nhìn cái lá hoặc là đón nhận niềm vui nỗi buồn trong lòng mình bằng một thứ trí tuệ rất là lạ. Cái trí tuệ mà nói theo trong Kinh đó là thứ trí tuệ mình chưa từng được nghe, chưa từng được thấy. Chỉ có ai đã từng gậm nhấm, từng đối diện với chính mình mới thấy được điều đó. Đó là công phu tu học đã đạt được một giai đoạn đáng kể. Còn trí tuệ mình bây giờ nếu khá lắm thì chỉ vừa đủ để tu tập thiền định thôi. Còn để thành tựu được Thánh trí đoạn trừ tập khí sanh tử thì phải đợi đến tròn đủ ba la mật.

V/ Phần giảng sư Giác Đăng:

Chúng tôi muốn nhắc quý vị học viên khi học các tầng thiền quý vị đừng quên ý nghĩa của 5 chi thiền. Nhưng khi học về tâm siêu thế, có một ý niệm rất đặc biệt trong đạo Phật khi nói về Tâm siêu thế. Có chỉ định phiên dịch rất lý thú khi chúng ta dịch chữ 'Lokutta', 'Lutara' là hiệp thế và siêu thế. Theo tinh thần Vi Diệu Pháp cũng như trong Kinh Tạng là sở dĩ chúng ta còn sống trong thế gian này là vì chúng ta bị cột 10 sợi dây gọi là 10 pháp Kiết sử. Chúng ta cần hiểu rõ 10 ý niệm Kiết sử này, vì những kiết sử đó cho chúng ta biết tại sao chúng ta còn hiện diện trên cõi đời này.

Kiết sử có nghĩa là sợi dây cột lại. Thí dụ quý vị đi một ngôi chùa, quý vị làm cho một tổ chức hay sống trong một thành phố là do có một số ràng buộc chúng ta ở đó. Đó là kiết sử. Chúng ta ở Houston mà không đi California là vì ở đây chúng ta đã quen một số bạn bè, ta thích sự yên tĩnh ở đây, ta không muốn bị động đất ở Cali. Đó là một số lý do để ràng buộc chúng ta ở đây. Theo Kinh Phật, có 10 pháp kiết sử đã buộc chúng ta lại trong thế giới này. Đó là thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, dục ái, sân, sắc ái, vô sắc ái, ngã mạn, phóng dật và vô minh. Quý vị sẽ ngạc nhiên tại sao các pháp phiền não lại đề cập có 10, mà các pháp này làm chúng ta luân hồi, cột chúng ta lại với cuộc đời. Chúng ta học Tâm siêu thế tức nói về các tầng Đạo quả: Sơ nhị tam tứ đạo, Sơ nhị tam tứ quả, thì Đạo Quả này đều dựa trên một điều duy nhất là chỉ giảm thiểu hoặc đoạn trừ các kiết sử.

Thí dụ một vị đoạn trừ được 3 kiết sử đầu là thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ thì vị đó đắc Sơ Đạo, được gọi là Sơ quả, là vị thánh Tu đà hườn.

Một vị làm giảm nhẹ dục ái và sân thì vị này được xem là Tư đà hàm. Một vị đã đoạn tận dục ái và sân gọi là A na hàm. Một vị đoạn tận 5 kiết sử còn lại (sắc ái, vô sắc ái, ngã mạn, phóng dật, vô minh) thì đó là một vị Tứ quả.

Khi nói thì chúng ta nói rất nhiều thứ nhưng nói về pháp chính, về Siêu thế tâm thì ở đây chúng ta tìm hiểu về 10 pháp kiết sử. 10 pháp kiết sử đó cho ta biết tại sao ta còn gấn bó trong cuộc đời này. Sở dĩ chúng ta tồn tại trong cuộc đời này là vì chúng ta còn dây mơ rễ má chặt với cuộc đời gọi là kiết sử. Những kiết sử này cho thấy một số bí mật sâu kín về cuộc sống, vượt ngoài sự tưởng tượng của chúng ta. Như trường hợp quý vị tiếp tục một cuộc hôn nhân, tiếp tục sống ở một địa phương, tiếp tục làm việc cho một tổ chức ... tất cả đó ít nhiều đều có sự ràng buộc khiến chúng ta không thể rời khỏi đó được.

1/ Thân kiến:

Thân kiến là cái nhìn liên hệ đến 'ngã'. Là cái nhìn cho ta thấy có sự ràng buộc giữa cái gì đang xảy ra vào ý niệm 'ngã tính'. Hơi khó hiểu, thí dụ cái ly này giả sử nó rớt xuống bể thì chúng ta ngồi đây sẽ có hai phản ứng. Một là cảm thấy mát mát lớn nếu ly đó là của chúng ta. Một phản ứng khác dừng dừng hơn nếu cái ly đó không phải của chúng ta. Cái 'của chúng ta' và 'không của chúng ta' nó tạo sự khác biệt rất lớn trong đời sống.

Thân kiến nói theo đạo Phật là cái nhìn “Ngũ uẩn là ta, ta là ngũ uẩn. Ở trong ngũ uẩn có ta và trong ta có ngũ uẩn”. Một cảm giác, niềm vui nỗi buồn của ta có đến và có đi, nhưng thái độ của ta đối với cảm giác cảm thọ đó nó khiến ta có những phản ứng lớn. Thí dụ khi nghe ai nói nặng xúc chạm tự ái ta thấy tức giận, điều đó có nghĩa là ‘cảm thọ là ta, ta là cảm thọ, trong cảm thọ có ta’. Chúng ta đang ngồi đây, Phật tử A nói nặng Phật tử B một câu, quý vị khác thì thấy bàng quan, ở thì đi chùa đụng chạm nhau thôi. Nhưng ngày mai cô B ra ngoài đường bị ông Mỹ đen đánh chằng hạn, thì chúng ta cảm thấy rất giận nói ở người VN bị Mỹ đen ăn hiếp. Thì lúc đó chúng ta thấy cô B có quan hệ với chúng ta, cô bị Mỹ đen ăn hiếp, trong khi cô ở giữa những người VN chúng ta thì mình không thấy như vậy. Tức là quan hệ giữa một người với chúng ta nó là một ý niệm, là một quan hệ hoàn toàn có tính cách quy ước. Ở trong nhà, mình thấy anh em ruột thịt nhưng ‘chuyện của mày mày lo chuyện tao tao lo’. Chuyện ai nấy lo không thể lo cho nhau được. Nhưng nếu ra đường ai đụng tới anh em của mình thì lúc đó mình nói là ‘anh của mình em của mình’. Thậm chí chúng ta có thể bênh vực một người tại vì người đó cùng địa phương với mình hoặc cùng màu da với mình. Trong khi cũng là những người đó nhưng ở trong hoàn cảnh bình thường khác thì mình không quan tâm tới họ, tới sự sống chết của họ. Có nghĩa lúc nào đó trong hoàn cảnh nào đó mình thấy mình với họ có sự ràng buộc. Cái đó Phật gọi là thân kiến. Chúng ta có vô số những sợi dây ràng buộc liên quan tới thân kiến, cụ thể là sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Sắc là những cái cụ thể thuộc vật chất, thuộc về thân chúng ta. Cái đẹp cái xấu khi nó thuộc về ta thì ta có cảm giác khác. Nếu nó của người khác thì ta có cảm giác khác. Đó là ta có thân kiến ở trong sắc uẩn hay không.

Thọ uẩn cũng vậy. Nếu nghe hai người gây gổ nhau, ta thấy người này không quá đáng mà người kia phản ứng như vậy là quá đáng. Ta nghĩ đáng lẽ họ không nên phản ứng như vậy. Nhưng nếu chúng ta là người trong cuộc thì ta sẽ nghĩ khác, vì khi đó ‘Thọ uẩn là ta, ta là thọ uẩn. Ở trong thọ uẩn có ta và trong ta có thọ uẩn’.

Tướng uẩn cũng vậy. Tướng uẩn là sự hấp thụ giáo dục, văn hóa quá khứ của ta. Tại sao ta hãnh diện về văn hóa VN. Vì ở đó là nơi ta lớn lên, và bây giờ cái gì ta thể hiện ra ở đây tức là ta thể hiện kinh nghiệm của mình trong quá khứ. Ta quan niệm rằng cái gì đẹp thì nó phải đều, ở giữa và cả hai bên đều đẹp thì nó mới đẹp. Cái gì bên lớn bên nhỏ thì không đẹp, thì đó cũng chỉ là vấn đề văn hóa thôi. Nhưng chúng ta vẫn chấp đó là văn hóa VN, là ta có bổn phận phải bảo vệ văn hóa của mình. Tức là ta nói “Tướng uẩn là ta, ta là tướng uẩn. Ở trong tướng uẩn có ta và trong ta có tướng uẩn”.

Hành uẩn là những quan niệm về thiện ác, cái đúng cái sai, đen trắng v.v... khiến ta chấp vào quan niệm thế giới này là cộng sản, là tư bản, của tự do của dân chủ thế này thế kia. Những ý tưởng đó trở thành mật thiết trong đời sống và nếu ai động chạm chính kiến của mình thì mình lồng lộn lên. Ta phản ứng mạnh mẽ vì ‘trong hành uẩn có ta, trong ta có hành uẩn’.

Thức uẩn là cái gì ta thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng. Những cái này cũng gắn liền với tự ngã của mình. Người vợ mua bức tranh về treo trong nhà mà người chồng đối là vì cảm thọ về sắc của hai người không giống nhau. Nếu người vợ nghĩ treo bức tranh đó mà đụng chạm đến mình thì cái đó ta nói ‘thức uẩn là ta, ta là thức uẩn’. Mọi sự vật tồn tại độc lập hết, từ bản thân ta, con cái ta, tôn giáo ta, những người cùng một màu da... Tuy nhiên khi ta dán vào trong đó ‘cái này là của tôi’ rồi là ở đó có chuyện.

Do vậy thân kiến là một thứ kiết sử cột trói ta vào thế giới này. Kiết sử đó làm chúng ta có đôi lúc thấy rằng nó là chân lý bất di bất dịch. Trên đời này không ai sống mà không có thân kiến. Nhưng khi ở một lúc lắng đọng tâm tư nào đó ta sẽ thấy rằng cái gọi là thân kiến thật ra nó chỉ là ảo giác, nó hoàn toàn chỉ là ảo giác. Ta có con, ta nghĩ đó là con của mình. Nhưng đến lúc nào đó con nó có cuộc sống của nó mà quan hệ giữa ta với con rất là tương đối thôi. Bởi vì nếu nó là của ta thì ta có thể an bài tất cả mọi thứ cho nó. Nhưng thực sự nó lớn lên như một cá thể độc lập mà ta không thể nào kiểm soát hoàn toàn. Ta chấp cái này là của mình, cái kia là của mình, nhưng thực sự không phải vậy.

Ta sống bằng thân kiến ta khổ vì nó, và ta sẽ cảm thấy trống vắng nếu ta không có nó. Giống như ta nhìn dòng xe chạy trên đường, xe đẹp thật nhưng xe là xe của thiên hạ, không phải của mình. Nếu

mình mua một chiếc xe dầu rất cũ, tuy cũ nhưng mình vẫn nâng niu vì lúc đó mình dán nhãn hiệu đó là xe của mình, mình đã cảm thấy nó khác đi.

Nhưng quan niệm về ngã tính là quan niệm không thể nào khác và chúng sanh trên đời này trăm luân vì cái sợi dây cột đầu tiên và nặng nhất đó là ‘thân kiến’. Chúng tôi xin dành thì giờ nói về bốn quan niệm về thân kiến: ngũ uẩn là ta, ta là ngũ uẩn, trong ngũ uẩn có ta và trong ta có ngũ uẩn. Quý vị sẽ hỏi tại sao phải nói chi tiết vậy?

Nói ‘ngũ uẩn là ta’ nó khác với ‘ta là ngũ uẩn’. Ngũ uẩn đáng lẽ nó là một thế giới khách quan nhưng ta biến nó thành thế giới chủ quan. Quý Phật tử đi chùa lâu nói chùa này là chùa của mình, mấy sư này là sư của mình. Đó là ta lấy khách quan ở ngoài làm chủ quan.

Đôi khi lấy cái chủ quan làm cái khách quan, tức là ‘ta là ngũ uẩn’, tức là một sự áp đặt lên đó. Thí dụ ta thấy người khác lấy lá cờ VN làm cái gì đó thì ta thấy quan niệm về ngã tính chúng ta áp đặt ngay lập tức. Tức lúc đó không phải ‘ngũ uẩn là ta’ mà là ‘ta là ngũ uẩn’.

“Ở trong ngũ uẩn có ta và trong ta có ngũ uẩn” tức là chúng ta nói lên sự hàm chứa. Ta không nắm thế giới này trọn vẹn nhưng trong đó có cơ sở của ngã tính. Như quý vị sống ở Houston, quý vị không thể nói Houston là tôi được. Nhưng đi đâu mà quý vị nghe ai chê Houston không ra gì là quý vị giận, là tự ái vì ‘ở trong đó có ta’. Mà quý vị nghe người ta chửi TP Atlanta hay Miami thì ta không thấy gì, vì ‘ở trong đó không có ta’. Đó cũng là thân kiến.

2/ Hoài nghi:

Hoài nghi là gì? Hoài nghi là mãnh lực lớn của đời sống nói lên một điều là chúng ta không biết làm gì với đời sống này, do vậy ta làm rất nhiều thứ. Có lần chúng tôi giảng về Thập nhị nhân duyên, chúng tôi nói rằng nếu mình không biết phải làm gì thì mình đừng làm gì hết. Nhưng thực tế khi chúng ta không biết phải làm gì thì ta làm rất nhiều thứ. Thầy chúng tôi nói cuộc sống trong chùa có hai hạng người. Một hạng biết rõ những gì họ làm thì họ đem hết tâm tư năng lực đầu tư vào chuyện đó. Nhưng có hạng người khác là họ không biết phải làm gì hết, do đó họ làm đủ thứ chuyện. Tại sao quý vị cả ngày đi giao thiệp với bạn bè, đi mua cái này sắm cái kia, có khi shopping cả ngày. Tại sao, bởi vì lúc đó quý vị không biết phải làm cái gì mà chỉ biết shopping thôi. Bởi vì ta không biết CHUYỆN GÌ LÀ CHUYỆN TỐT NHẤT mà chúng ta nên làm. Ta đã năm sáu mươi tuổi, ta đã uống gần cạn chung rượu đời mà hỏi nếu cho ta trẻ lại thì ta sẽ làm gì thì chắc chắn với kinh nghiệm của mình mình sẽ . Nhưng nhìn những người trẻ tuổi đang hoang phí tuổi trẻ, họ hoàn toàn không có hướng đi nào hết vì họ không biết phải làm gì. Cái không biết đó là cái ‘hoài nghi’ trong cuộc đời. Ta hiểu hoài nghi là trạng thái lưỡng lự, phân vân không biết phải làm gì. Nhưng đó là một định nghĩa rất hẹp nếu ta nói hoài nghi là một kiết sử.

Hoài nghi là kiết sử là trạng thái không có định hướng. Trong Kinh có thí dụ một người đi trong đêm đen tối hoàn toàn không nhìn thấy gì. Người này không thể ngồi im một chỗ trong khu rừng đó. Quý vị mà lái xe bị lạc đường thì biết. Đã lạc rồi thì ngồi im không được mà phải chạy. Mà chạy thì tới lui, xuôi, ngược cũng phải chạy. Người trong tâm trạng hoài nghi vậy thì họ vùn vẫy rất nhiều, xông xáo rất nhiều, nắm bắt rất nhiều, mà tất cả những thứ đó đều là hoang phí. Cho đến khi họ thấy trời chớp một cái họ thấy được phía trước là một căn nhà hay là một cái gì đó thì họ định được hướng và họ nhắm chỉ đi về đó thôi. Lúc đó từng bước chân của họ đều có giá trị, không hoang phí chút nào.

Khi ta thấy được hướng đi rõ ràng thì ta sẽ không hoang phí nghị lực của ta nữa. Một người thấy được giá trị của Phật Pháp Tăng thì người đó sẽ mạnh dạn và tận dụng hết những gì họ cần phải làm trong đời sống này. Quý vị thấy hôm nay trái đất có hơn 6 tỷ người. Trong 6 tỷ người đó sinh hoạt của nhân loại rộn rịp hơn bao giờ hết. Chúng tôi đi những phi trường lớn như phi trường Kennedy, Los, Atlanta đứng trên nhìn xuống thấy vô số người. Nhưng nhìn dòng người ngược xuôi đó ta sẽ thấy một điều rất dễ sợ là chúng ta chạy ngược chạy xuôi trong một đời mà không thực sự tìm thấy hướng đi rõ rệt nào hết! Mà khi nào ta tìm được hướng đi rõ rệt thì ta có thể ta ngồi trong im lặng hơn là vẫy vùng như vậy. Lúc đó chúng ta mới hiểu ý nghĩa chữ ‘hoài nghi’ và tại sao đức Phật nói đó là sự cột trói trong cuộc đời. Vì chúng ta chạy ngược chạy xuôi làm rất nhiều việc trong cuộc đời là vì ta không biết cái chân giá trị thực sự của cuộc sống là gì, cái hướng nào là hướng nên đi, nên ta cứ mãi như vậy.

3/ Giới cảm thụ:

Kiệt sử thứ ba là giới cảm thụ. Giới cảm thụ là cái gì rất khó định nghĩa. Ta nên hiểu như vậy: Nó là một điều tự an ủi trong đời sống khi chúng ta không nắm rõ cái gì chúng ta làm. Như bây giờ mình không biết làm cái gì hết thì mình tự an ủi là làm đại cái gì đó. Mà khi làm đại cái gì đó thì mình định ninh rằng có còn hơn không, và ít nhất nó cũng cho chúng ta một niềm tin.

Trong Kinh Đức Phật diễn tả hình ảnh giới cảm thụ là có những người thực sự rất mơ hồ về cuộc sống của họ. Họ sống trong trạng thái lo âu, và họ tìm đến đền miếu, đến những gốc cây, những viên đá trông cậy rằng những nơi đó những vị thần sẽ cho họ cái này, cho họ cái kia. Khi chúng ta không biết phải làm gì thì chúng ta lại tạo ra một số sinh hoạt. Các sinh hoạt này lâu ngày trở thành cái niềm tin cố hữu. Khi chúng tôi đi Đài Loan và Trung Quốc mà nghe giải thích mấy của người Tàu chúng tôi nghĩ rằng nếu viết sách chắc cũng cả ngàn trang. Họ tin rất nhiều thứ. Thí dụ như chúng tôi hỏi tại sao ở Tử Cấm thành Bắc Kinh cái gì cũng số 9, như có 9.999 phòng thì người hướng dẫn nói rằng người Tàu rất tin vào số 9 là chữ 'cửu'. Mà 'cửu' là trường cửu, vĩnh cửu chẳng hạn. Ngược lại họ rất kỵ số 4 vì chữ tứ gần với chữ tử. Nhưng điều đó trở thành những gì rất linh thiêng với họ, mặc dù chúng ta biết hai điều đó khác nhau xa. Như họ tin vào phúc, lộc, thọ, họ dùng cây tùng tượng trưng cho sống lâu, dùng con nai (tiếng Hán là lộc), con doi là phúc, mà hiểu con doi là phước đức cũng được. Con doi, con nai với cây tùng nhập lại là phúc lộc thọ. Lâu ngày nó trở thành cái gì rất quan trọng, người ta làm ăn mà quý vị tặng họ phúc lộc thọ thì họ rất thích. Giống như chúng ta đầu năm có niềm tin chung mỡ cầu chung xoài, nói là vừa đủ xài vậy đó. Những cái đó là dấu hiệu của cái tâm trạng bất an trong đời sống của chúng ta. Chúng ta cần cái gì đó để trấn an, để an ủi mà lâu ngày nó trở thành niềm tin cố định. Dĩ nhiên nếu những thứ đó làm thay đổi đời sống con người thì quý vị có thể kiếm nó rất dễ dàng. Hôm nay quý vị qua Hồng Kông, Đài Loan thì quý vị sẽ không còn phân biệt được giữa tượng Bồ tát Di Lạc và tượng thần tài nữa. Hồi xưa họ tạo tượng Thần tài là cầm đồng vàng, thỏi vàng và tượng đức Di Lạc (Bồ Đại hòa thượng) thì mang cái bị lớn ở phía sau. Bây giờ họ nói Đức Di Lạc là hoan hỷ mà cầm đồng tiền thì vừa hoan hỷ vừa có tiền nữa? Họ bán chạy vô số tượng!

Ta tưởng chỉ có người Á Châu thì tin những cái đó, nhưng người Âu Mỹ họ cũng có những niềm tin tương tự. Tại sao chúng ta phải tin vào những dấu hiệu hên và xui như vậy? Đơn giản là chúng ta cần được trấn an, và chúng ta đã làm vô số chuyện trong đời sống. Ban đầu niềm tin đó là do sự tưởng tượng, nhưng lâu dần ta thấy nó trở thành cái gì rất là thực. Đó là giới cảm thụ.

Có vô số giới cảm thụ trong đời sống, nó là một phần của bản năng chúng ta, chúng ta không thể làm gì hơn là tiếp tục sống với nó. Đức Phật nhắc chúng ta biết con người chúng ta không phải là người vô kỷ luật. Chúng ta vẫn sùng bái một số kỷ luật nào đó, nhưng nếu kỷ luật đó không đi với chánh kiến thì nó trở thành giới cảm thụ. Và giới cảm thụ làm chúng ta sẽ phí rất nhiều thì gian, nhiều tiền bạc, tâm trí cho những điều thực sự nó không mang lại lợi lạc.

Ba thứ thân kiến, hoài nghi và giới cảm thụ là BA CÁI NHÌN SAI về cuộc sống. Nếu một người có thể đoạn diệt được ba thứ này thì vị đó là Sơ quả Tu đà hườn. 'Tu đà hườn' dịch là 'nhập lưu', nghĩa là đi vào dòng Thánh, như đi vào một dòng suối đang chảy không nghi ngờ gì hết. Ba thứ này chỉ đoạn được khi ta nhìn thấy giá trị thực sự của Phật – Pháp – Tăng, của đạo quả của Niết bàn dù nhìn thấy một lần thôi. Giống như người đang đi trong đêm đen mà trời chớp một cái, họ nhìn thấy ở trước có cái nhà thì họ tin chắc chắn rằng có một chỗ cho họ trú thân. Thì niềm tin đó đủ để họ xóa đi tất cả những nghi ngờ, ngờ vực giúp họ tiếp tục lên đường. Dù là chỉ thoáng một cái nhưng cho họ đủ niềm tin là điều đó có. Còn nếu chúng ta nghe nói có những phương thuốc màu nhiệm mà nghe chỉ là nghe chớ không biết chắc là có thì ta không bao giờ đủ sức thuyết phục chính mình để lên đường. Bởi đa số những gì chúng ta làm dù cho nói là làm vì có nhiều đức tin đi nữa thì nó cũng chỉ là suy diễn để mà tin thôi. Cho đến khi ta thấy rõ Niết bàn như vị Tu đà hườn thấy thì ta mới thật sự diệt trừ được ba thứ thân kiến, hoài nghi và giới cảm thụ.

4 và 5/ Dục ái và sân:

Hai kiệt sử tiếp theo rất là nặng. Nặng đến nỗi cần phải đắc đạo chứng quả hai bậc mới diệt hết được nó. Đó là dục ái và sân (thích và không thích).

Thích và không thích là thái độ trong cuộc sống chúng ta. Tâm ta vốn dĩ phân biệt nhưng phân biệt trong giai đoạn đầu mà sau đó là phản ứng nữa. Những gì ta thích thì ta chấp lấy nó. Những gì không thích thì ta đẩy nó ra. Có người thích nghi rất lớn họ cảm thấy thoải mái ở trong mọi đám đông. Nhưng có người chỉ thích sống thực sự với người họ hoan hỷ và luôn tránh né những gì họ không thích. Đó là hai trạng thái chấp lấy và đẩy nó ra mà đạo Phật gọi là dục ái và sân. Phản ứng này tồn tại nhiều đời kiếp, rất sâu đậm trong ta. Khi ta không có trạng thái có cái gì để nắm lấy hoặc buông bỏ thì ta sẽ cảm thấy đời sống trống vắng.

Tuy nhiên trong Kinh điển tả trạng thái dục ái và sân chỉ là những rung động của tâm thức mà thôi. Tâm thức ta nếu nó được trường dưỡng như một ngọn núi thì cái thích và không thích nó không quan trọng. Nhưng nếu nó ở giai đoạn mềm yếu thì nó giống như cây hoặc là bị quật về phía bên đây nhiều hoặc nó bung về phía bên kia nhiều.

Thích và không thích đến từ thái độ phân biệt. Hồi còn nhỏ nhìn thấy người này người kia, vật này vật kia thì thái độ thích, không thích lộ ra rất rõ ràng. Khi lớn lên ta thấy một điều là có những người mặt mày dễ thương nhưng họ cũng có những cái khó thương. Có những người mặt mày khó thương nhưng họ cũng có cái dễ thương. Thì lúc đó là cái tâm ta bắt đầu bớt đi những phản ứng mạnh mẽ từ cái thích và không thích.

Thánh Tư đà hàm là người có khả năng bình tâm trước dục ái và sân. Hai điều này đi chung với nhau là do hễ cái gì ta thích mà nó được điều hòa thì cái sân nó giảm đi. Cái gì mà ta quá thích thì khi bức tức ta cũng bức tức rất là nhiều. Hễ cái gì ta điềm đạm với nó thì khi phản ứng ta cũng ít bức bối. Do đó dục ái và sân là hai trạng thái luôn đi với nhau.

Vị Tư đà hàm có thể giảm nhẹ dục ái và sân, nhưng vị A na hàm có thể đoạn tận cả hai vĩnh viễn. Năm kiết sử đầu tạo nên 3 tầng đạo quả. Vị Tu đà hườn là vị đã đoạn tận thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ. Vị Tư đà hàm có thể giảm nhẹ dục ái và sân. Vị A na hàm thì đoạn tận dục ái và sân.

Năm kiết sử sau cùng là một thế giới tế nhị. Trong đời sống một người có trình độ cao nhưng họ vẫn thường có những thứ này, ngay cả vị A na hàm. Đó là trạng thái sắc ái, vô sắc ái, ngã mạn, phóng dật và vô minh.

6 – 7/ Sắc ái và vô sắc ái:

Sắc ái và vô sắc ái là trạng thái vốn để thay thế dục ái. Như hồi nhỏ ta thích được ăn ngon, thích chơi đùa. Khi đi học tâm ta tế nhị hơn thì ta thích đọc sách, thích hưởng thụ cảnh thiên nhiên, thích cái gì tế nhị hơn. Một vị đã đoạn dục ái thường rơi vào tình trạng còn bám víu sắc ái và vô sắc ái. Bám víu cái gì tế nhị, cái gì thuộc về ý niệm mà chính những thứ này vẫn tiếp tục ràng buộc ta. Có câu: ‘Một người dễ nhứt họ vẫn có cái khó nhứt’. Một người có thể xả ly được một số thường tình của cuộc sống thì họ vẫn có cái câu chấp ở thế giới cao hơn. Mục tiêu sau cùng của chúng ta là sống trong tất cả nhưng không đắm nhiễm tất cả thì chắc chắn phải vượt qua sắc ái và vô sắc ái.

Còn ba thứ ngã mạn, phóng dật và vô minh được diễn tả đơn giản. Chúng là ba trạng thái tâm vốn dĩ nằm ở mức độ tiềm ẩn sâu thẳm, mức độ cao nhứt ta vẫn còn có thể có được.

8/ Ngã mạn:

Thế nào là ngã mạn? – Ngã mạn là sự so sánh. Đọc Kinh Phật chúng ta nghĩ khi nào mình tự cao mới là ngã mạn. Thực ra tự cao chỉ là một khía cạnh của ngã mạn thôi. ‘Ngã mạn’ là sự so sánh. Ngày nào ta còn sự so sánh thì ngày đó ta còn ngã tính ở đó. Chữ ngã mạn dễ làm ta tưởng là sự công cao, nhưng chúng tôi nghĩ dùng chữ ‘ngã tính’ là đúng hơn. So sánh là như vậy: trái táo là trái táo, trái cam là trái cam nhưng ta lại không chịu như vậy, mà ta lại muốn nói rằng trái cam hơn trái táo hoặc trái táo hơn trái cam. Đó là sự so sánh của chúng ta.

Với cái nhìn thường thức của vị thánh nhân như là Đức Phật thì rất khó nói giữa chúng ta ai hơn ai, dầu già trẻ, bé lớn, dầu nam nữ, nghèo hèn, đẹp xấu. Tại sao? Vì tất cả chỉ là một giai đoạn trong cõi trầm luân này thôi. Kiếp này ta sanh ra làm người nam, kiếp sau ta sanh ra làm người nữ. Kiếp này ta sanh ra đẹp, kiếp sau sanh ra xấu. Như ta ra đường có lúc ta nói người này ăn mặc bộ quần áo sao tệ quá, người kia mặc sao xấu quá. Các vị biết ở Mỹ rất thoải mái, ở Mỹ ít ai đánh giá người khác ăn mặc như thế nào. Thích thì quý vị mặc quần jeans, thích thì mặc quần short, mà rất ít ai đi ngoài đường nhìn bộ quần áo mà nói quý vị thế này quý vị thế nọ. Nhưng ở Âu châu thì khác, khi ta quen ở Mỹ qua châu Âu ta cảm thấy rất phiền phức. Rõ ràng cái nhìn của một người có tâm ngã tính

thì giống như mình đánh giá con người chỉ qua bộ quần áo họ mặc buổi sáng hôm đó thôi. Đức Phật ngài nói điều đó không chính xác. Do vậy sự đoan tận ngã tính là không còn sự so sánh nữa. Trong Vi Diệu Pháp chia ra có 9 cái ngã tính: thua ý thua, thua ý bằng, thua ý hơn, bằng ý thua, bằng ý bằng, bằng ý hơn, rồi hơn ý thua, hơn ý bằng và hơn ý hơn. Các vị thường nghĩ mình ngon hơn người ta mình mới ngã mạn, thực sự không phải. Dù so sánh cách nào đi nữa thì nó vẫn là ngã tính. Nói một cách thẳng thắn, một người diệt trừ được ngã tính là họ thấy KHÔNG CÓ GÌ CẦN PHẢI SO SÁNH HẾT. Khi mà đối với A là A, B là B chứ không nhất thiết là anh A phải thế này anh B phải thế kia thì không còn quan niệm về ngã tính nữa. Ngã tính là cái phiền não rất lớn cho đến khi đắc đạo quả cuối cùng mới diệt được.

9/ Phóng dật:

Phóng dật là trạng thái bay nhảy từ cảnh giới này sang cảnh giới khác, từ đối tượng này sang đối tượng khác. Điều này được ví dụ như một trạng thái tâm không tự tại, không có thỏa mãn. Một người có trạng thái phóng dật nói lên dấu hiệu là họ không thể nào sống một cách an lạc được nếu họ không có thứ này họ không có thứ khác. Đó là không có tự tại. Có khi ta đến sống trong một khu rừng ta sẽ cảm thấy rất lạ. Hồi xưa chúng tôi đi đầu đà ở (...) thì ngài Cả có chỉ cho một sự việc. Hầu như trong khu rừng thì chỗ nào cũng giống nhau, cũng gốc cây cũng đất đá thô sơ vậy. Nhưng những vị đi hạnh đầu đà trong rừng có vị đóng lều ở tại chỗ đó. Cũng có vị đóng lều vài bữa lại dời đi chỗ này dời chỗ nọ. Tại vì bản chất phóng dật là bản chất rất tự nhiên, chúng ta không thể tự tại ở một chỗ được. Cũng phải nói sự phóng dật tạo nên sinh thú của đời sống. Như nói vui thời trang chỉ là làm rộng ra rồi làm hẹp lại, làm hẹp lại rồi lại làm rộng ra chứ không có gì. Chúng ta thường cảm thấy dễ chịu nếu chúng ta thay đổi được. Dù sự thay đổi đó không tệ hơn hoặc không tốt hơn nhưng chúng ta vẫn muốn thay đổi.

10/ Vô minh:

Vô minh tức là có những giây phút trong đời sống mà chúng ta không nhìn thấy được khi ta không phát huy được chân thực trí. Chân thực trí của mình giống như tấm kiếng có gì bị mờ mà không dùng được. Đạo Phật diễn tả vô minh là những giờ phút chúng ta quên mình, không thấy được nhân quả của vấn đề, không thấy được thực tướng của vấn đề. Như không hiểu về khổ, về nhân khổ, không hiểu về sự diệt khổ và con đường dẫn đến sự diệt khổ.

10 kiết sử: thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, dục ái, sân, sắc ái, vô sắc ái, ngã mạn, phóng dật và vô minh là 10 sợi dây cột chúng ta vào cuộc đời. Hồi nhỏ khi còn học trong trường chúng tôi hỏi hòa thượng Tịnh Sự: như vậy muốn luân hồi cũng khó vì có tới 10 sợi dây lận. Ngài nói không có lo, nó có sẵn rồi (cười). Thực sự cắt nó khó chứ nó vốn đã có sẵn.

Phải nhận một điều khi chúng ta càng nghiệm về 10 kiết sử này thì chúng ta thấy rằng nó là một phần rất thân thiết trong đời sống. Thân thiết đến nỗi chúng ta sống mà không thể không có nó được. Tương tự, ta tưởng tượng sức hút ly tâm của trái đất. Để tất cả chúng ta có thể đứng trên mặt đất, có thể sinh hoạt trên trái đất như bây giờ nó cần sức hút, cần cái hấp lực rất là lớn. Hấp lực đó ta không thể diễn tả được một cách bình thường mà ta phải diễn tả chiều sâu. Hấp lực đó giống như vậy, những sợi dây tuy rất vô hình nhưng vốn dĩ nó cột chúng ta vào cuộc đời này.

Tất cả 40 tâm siêu thế quý vị sẽ được nghe thầy Giác Nguyên tóm lược trong lần tới, về Sơ đạo, Nhị đạo, Tam đạo, Tứ đạo, Sơ quả, Nhị quả, Tam quả và Tứ quả. Trong 8 tâm này (4 tâm đạo 4 tâm quả) ta nhân cho 5 tầng thiên, ra tất cả là 40 tâm. Có ý niệm rất lý thú về chữ 'đạo' và chữ 'quả', nhưng ở đây không có thì giờ chúng tôi chỉ giảng trong 10 kiết sử và 4 tầng thánh quả. Phần còn lại tuần tới thầy Giác Nguyên sẽ có so sánh cho quý vị về Đạo và Quả. Rải rác trong các bài học này, quý vị bắt gặp nhiều ý niệm, như hôm nay ta nói về ý niệm về Tam giới, ý niệm về Hiệp thế, về Siêu thế, về phiền não. Ở tại đây quý vị có thể thấy rất nhiều và rất khó nhớ. Nhưng về lâu về dài quý vị có thể khám phá ra rằng khi đem những ý niệm này mà đọc lại Kinh tạng quý vị sẽ đọc rất thoải mái. Thực ra đây là những điều rất căn bản chúng ta tìm thấy trong Kinh tạng.

Tuần tới chúng tôi đi Âu châu, khoảng 15 Tây chúng tôi sang Tích Lan. Chúng tôi sẽ vắng mặt ở đây chừng một tháng rưỡi và sẽ về đây 2 tuần lễ trước Phật Đản. Lần trước chúng tôi đi Đài Loan về thì lớp học dời từ ngày thứ bảy sang chủ nhật. Chúng tôi hy vọng đi tháng rưỡi về lớp học không có gì thay đổi, nếu mà lớp dời từ chủ nhật sang thứ hai thứ ba không biết làm sao (cười). Nói chung

ở nhà chúng tôi mong các vị tiếp tục lớp học Vi Diệu Pháp này. Mọi việc mong quý vị nghiên cứu rất cẩn thận. Thầy Giác Nguyên là người hướng dẫn có kinh nghiệm. Học Vi Diệu Pháp tìm được người hướng dẫn như Thầy là duyên rất đặc biệt. Tuy nhiên chúng tôi phải nói, vì thầy Giác Nguyên hiện đi ra ngoài không có đây. Là thầy Giác Nguyên rất cần sự thắc mắc của quý vị. Cần gì quý vị cũng nên cho thầy biết một số kết quả và không kết quả từ sự hướng dẫn của thầy thì thầy sẽ hoan hỷ hơn. Thầy là người dạy mà sống rất nhiều cảm giác với học viên. Dĩ nhiên quý vị nào cũng rất thương, quý thầy Giác nguyên, chuyện đó chúng tôi rất cảm kích. Nhưng quý vị cố gắng tìm ra những câu hỏi và có những đề nghị cụ thể để thầy thấy rằng bài học của thầy ít nhất còn giữ lại trong lòng quý vị, chớ không phải là gió thổi bên này bay qua bên kia (cười). Các vị có câu hỏi gì không? – Nếu quý vị không có câu hỏi gì thì chúng ta hồi hướng công đức./.

**XIN LƯU Ý:
ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHÁP
CHƯA ĐƯỢC SỬ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐỈNH.
QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.
XIN TRÁNH IN ẮN PHỔ BIẾN.**

www.toaikhanh.com